

# CHƯƠNG 5

## PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH



# PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH

- Đánh giá hiệu quả kinh doanh là đánh giá về khả năng tạo ra lợi nhuận của DN
- Hiệu quả kinh doanh là tỷ lệ tương đối giữa kết quả và phương tiện tạo ra kết quả

$$\text{Hiệu quả} = \frac{\text{Kết quả (Lợi nhuận, doanh thu,...)}}{\text{Phương tiện (CP, TS, Doanh thu, VCSH, ...)}}$$



# PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH

- Phân tích khái quát hiệu quả kinh doanh
- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định
- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn



# 1 PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT HIỆU QUẢ KINH DOANH

$$\text{Tỷ suất doanh lợi (tỷ suất sinh lời của doanh thu, tỷ suất lợi nhuận thuần)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100 (\%)$$

- Nguồn số liệu ?
- Ý nghĩa ?
- Tỷ suất doanh lợi quan trọng đối với ai ?



# PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT HIỆU QUẢ KINH DOANH

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận gộp} = \frac{\text{Lợi nhuận gộp}}{\text{Doanh thu thuần bán hàng}} \times 100 \text{ (\%)}$$

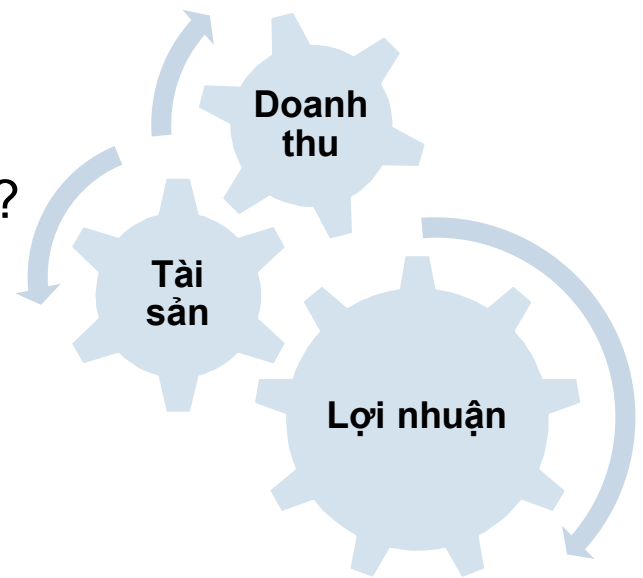
- Nguồn số liệu ?
- Ý nghĩa ?
- Tỷ suất lợi nhuận gộp quan trọng đối với ai ?



# PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT HIỆU QUẢ KINH DOANH

$$\text{Số vòng quay của TS} \quad (\text{Sức SX của TS}) = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản bình quân}} \quad (\text{lần})$$

- Nguồn số liệu ?
- Ý nghĩa ?
- Số vòng quay TS quan trọng đối với ai ?



# PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT HIỆU QUẢ KINH DOANH

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tài sản bình quân}} \times 100 \quad (\%)$$

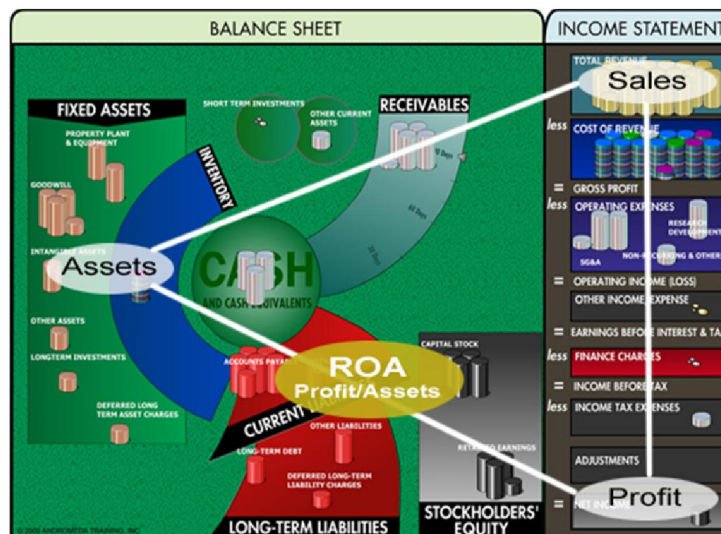
- Nguồn số liệu ?
- Ý nghĩa ?
- Số vòng quay TS quan trọng đối với ai ?



# PHÂN TÍCH ROA THEO MÔ HÌNH DUPONT

$$\text{ROA} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản bình quân}}$$

ROA = Tỷ suất lợi nhuận thuần X Số vòng quay tài sản





# Ví dụ 1

Công ty A & công ty B là một công ty kinh doanh đồ dùng gia đình giá rẻ và một công ty kinh doanh quà tặng lưu niệm trong các khu Resort.

Hãy sắp xếp đúng 2 công ty trên.

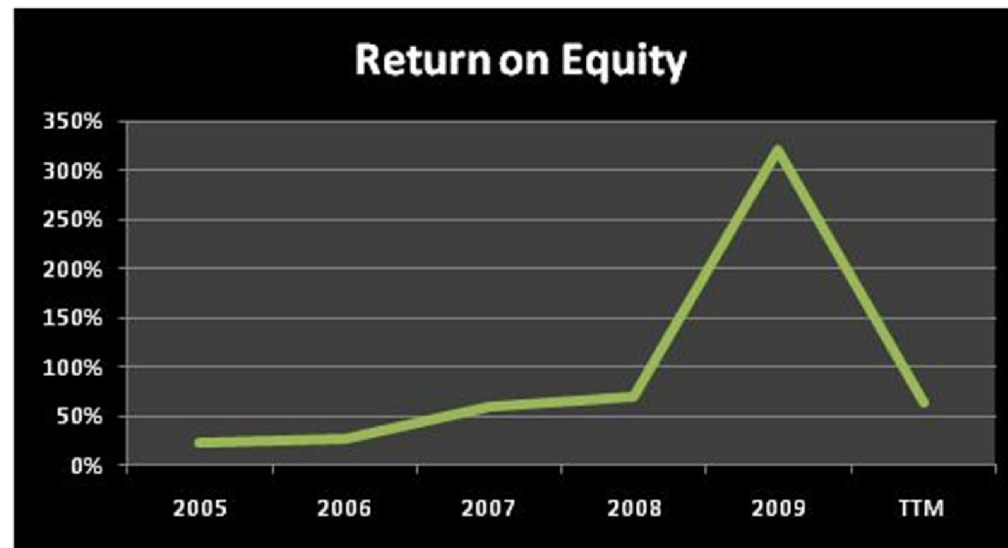
Chỉ tiêu	Công ty A	Công ty B
Doanh thu	6.000.000.000	6.000.000.000
Tài sản bình quân	1.200.000.000	6.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	125.000.000	600.000.000

# Ví dụ 2

- Công ty X năm 2010 có tỷ suất doanh lợi là 20%, số vòng quay của tài sản là 2,4 vòng. Năm 2011 công ty đạt tỷ suất doanh lợi 22% và số vòng quay của tài sản là 2,3 vòng.
- Hãy phân tích ROA theo mô hình DUPONT

# PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT HIỆU QUẢ KINH DOANH

$$\text{Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \times 100 \quad (\%)$$



# PHÂN TÍCH ROE THEO MÔ HÌNH DUPONT

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản bình quân}} \times \frac{\text{Tài sản bình quân}}{\text{VCSH bình quân}}$$

$$\text{ROE} = \text{Tỷ suất lợi nhuận thuần} \times \text{Số vòng quay tài sản} \times \text{Hệ số TS / VCSH}$$

Khả năng sinh lời

Hiệu suất sử dụng tài sản

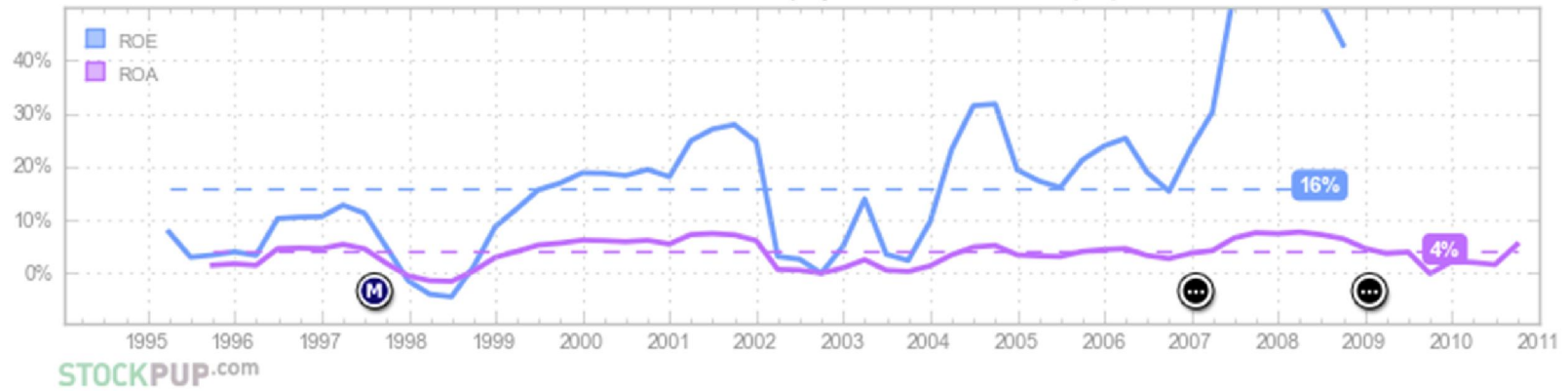
Đòn bẩy (Rủi ro) tài chính

Leverage.

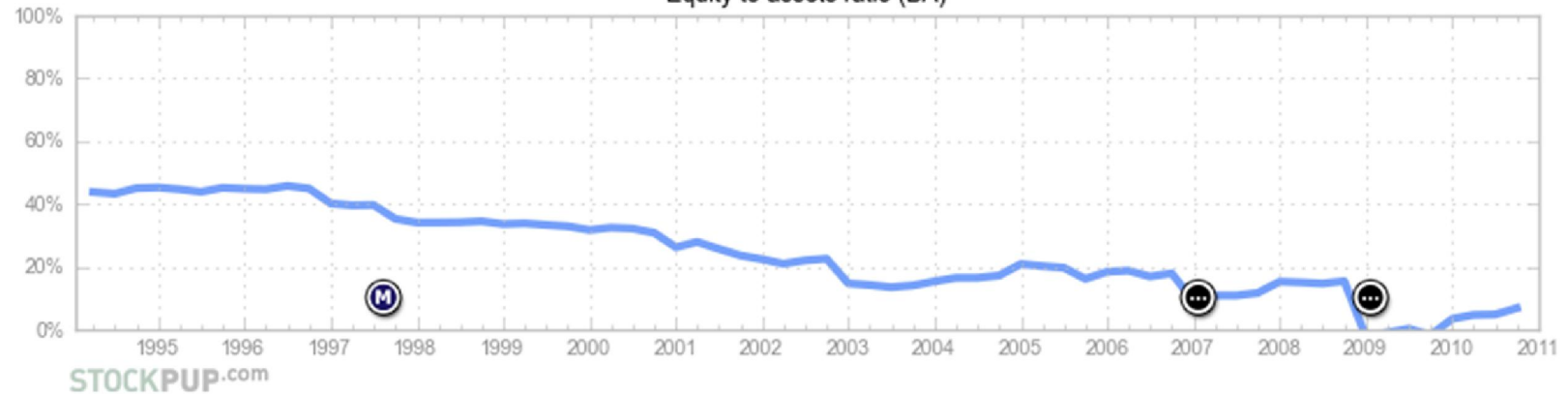




ROE and ROA - return on equity and return on assets (BA)



Equity to assets ratio (BA)



# LƯU Ý KHI PHÂN TÍCH ROE

ROE của công ty A là 30%, của công ty B là 20%.

- Công ty A hoạt động tốt hơn công ty B ?
- Giá cổ phiếu của công ty A cao hơn công ty B ?



# Ví dụ

- Công ty X năm 2010 có tỷ suất doanh lợi là 20%, số vòng quay của tài sản là 2,4 vòng, và hệ số nợ bình quân là 0,5. Năm 2011 công ty đạt tỷ suất doanh lợi 19%, số vòng quay của tài sản là 2,3 vòng, và hệ số nợ bình quân 0,6.
- Hãy phân tích ROE theo mô hình DUPONT

# PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT HIỆU QUẢ KINH DOANH

$$\text{Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư (ROI)} = \frac{\text{LN sau thuế} + \text{CP lãi vay} \times (1 - \text{thuế suất thuế TNDN})}{(\text{Vốn vay} + \text{Vốn chủ sở hữu}) \text{ bình quân}} \times 100 \quad (\%)$$

$$\text{Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư (ROI)} = \frac{\text{EBIT} \times (1 - \text{thuế suất thuế TNDN})}{(\text{Vốn vay} + \text{Vốn chủ sở hữu}) \text{ bình quân}} \times 100 \quad (\%)$$

- Nguồn số liệu ?
- Ý nghĩa ?
- ROI quan trọng đối với ai ?



# Công ty nào hoạt động tốt hơn?

Chỉ tiêu	Công ty A	Công ty B
Tài sản bình quân	1.000.000.000	1.000.000.000
Vốn chủ sở hữu bình quân	100.000.000	1.000.000.000
Vốn vay bình quân (lãi suất 10%)	900.000.000	0
Lợi nhuận trước thuế	30.000.000	120.000.000
Thuế TNDN (25%)	7.500.000	30.000.000
Lợi nhuận sau thuế	22.500.000	90.000.000

# So sánh các DN cùng ngành

Chỉ tiêu năm 2009	VCS	DAC	DTC	HPS
1. Lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	17.97	22.50	15.60	12.62
2. ROA (%)	10.28	34.00	22.31	7.43
3. ROE (%)	26.51	69.02	90.11	11.96
4. ROI (%)	13.02	35.66	27.06	7.43
5. Hệ số nợ	0.58	0.50	0.75	0.38
6. Hệ số nợ vay/VCSH	1.38	0.50	2.06	0.48

# PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT HIỆU QUẢ KINH DOANH

## – Các chỉ tiêu khác

$$\text{Tỷ suất sinh lời của chi phí} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Chi phí kinh doanh}} \times 100 \quad (\%)$$

$$\text{Tỷ suất sinh lời của vốn cổ phần phổ thông} = \frac{\text{LN sau thuế - cổ tức ưu đãi}}{\text{Vốn cổ phần phổ thông bình quân}} \times 100 \quad (\%)$$

$$\text{Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (ROAe)} = \frac{\text{EBIT}}{\text{Tài sản bình quân}} \times 100 \quad (\%)$$

## 2 PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ

$$\text{Sức sản xuất của TSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần kinh doanh}}{\text{TSCĐ bình quân}}$$

$$\text{Suất hao phí của TSCĐ} = \frac{\text{TSCĐ bình quân}}{\text{Doanh thu thuần kinh doanh}}$$

$$\text{Tỷ suất sinh lời của TSCĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{TSCĐ bình quân}} \times 100 \quad (\%)$$

## 3 PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSNH

- Đánh giá khái quát
- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tốc độ luân chuyển của TSNH
- Xác định số vốn lưu động tiết kiệm (lãng phí) do thay đổi tốc độ luân chuyển

# PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSNH

## - Đánh giá khái quát

$$\begin{aligned} \text{Tỷ suất sinh lời của TSNH} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{TSNH bình quân}} \times 100 \quad (\%) \\ \text{Số vòng quay của TS ngắn hạn} &= \frac{\text{Tổng mức luân chuyển (*Doanh thu thuần kinh doanh*)}}{\text{TS ngắn hạn bình quân}} \\ \text{Hệ số đảm nhiệm của TS ngắn hạn} &= \frac{\text{TS ngắn hạn bình quân}}{\text{Tổng mức luân chuyển}} \\ \text{Số vòng quay của hàng tồn kho} &= \frac{\text{Tổng Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}} \end{aligned}$$

# PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSNH

## - Phân tích tốc độ luân chuyển của tài sản ngắn hạn

$$\text{Thời gian 1 vòng quay TS ngắn hạn } (t) = \frac{365 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay TSNH}} = \frac{\text{TS ngắn hạn bình quân X 365 ngày}}{\text{Tổng mức luân chuyển thuần}}$$

Biến động thời gian 1 vòng quay  $\Delta t = t_1 - t_0$  là do ảnh hưởng của 2 nhân tố TSNH sử dụng và tổng mức luân chuyển:

- ▣ Ảnh hưởng của nhân tố TS ngắn hạn sử dụng trong HĐKD:

$$\text{TSNHbq}_1 \times 365 / \text{DTTKD}_0 - \text{TSNHbq}_0 \times 365 / \text{DTTKD}_0$$

- ▣ Ảnh hưởng của nhân tố tổng mức luân chuyển:

$$\text{TSNHbq}_1 \times 365 / \text{DTTKD}_1 - \text{TSNHbq}_1 \times 365 / \text{DTTKD}_0$$

# PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSNH

- Xác định vốn lưu động tiết kiệm/lãng phí tương đối

- Tốc độ luân chuyển TSNH tăng → Tiết kiệm vốn lưu động
- Tốc độ luân chuyển TSNH giảm → Lãng phí vốn lưu động

$$\text{Vốn lưu động tiết kiệm (lãng phí) tương đối} = \text{TSNH bình quân}_1 - \frac{\text{DTTKD}_1 \times t_0}{365}$$



# Ví dụ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	2011 (tr. Đ)	2010 (tr. Đ)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5000	4800
2. Các khoản giảm trừ	100	150
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4900	4650
4. Giá vốn hàng bán	3000	2800
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1900	1850
6. Doanh thu hoạt động tài chính	500	200
7. Chi phí tài chính	300	120
8. Chi phí bán hàng	100	95
9. Chi phí QLDN	70	75
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1930	1760
11. Thu nhập khác	80	20
12. Chi phí khác	60	5
13. Lợi nhuận khác	20	15
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1950	1775

### Tài sản ngắn hạn (triệu đồng)

31/12/2009	1200
31/12/2010	1300
31/12/2011	1380



Kết thúc chương 5